

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

G, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Số: 24/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 18/2025/TLST-VDS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 771, ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B.

- Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 490, khu phố 3, thị trấn G, huyện G, tỉnh B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh B nên quan hệ hôn nhân của bà L và ông L là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã sống ly thân và bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận

thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn; về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Văn Thông, sinh ngày 25/9/1997 và Nguyễn Hoàng Minh, sinh ngày 07/02/2006, hiện cả 02 con chung đều trưởng thành, đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được. Vì vậy, cả bà L, ông L đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng lệ phí Tòa án. Do ông bà thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L có 02 con chung là Nguyễn Văn Thông, sinh ngày 25/9/1997 và Nguyễn Hoàng Minh, sinh ngày 07/02/2006, hiện cả 02 con chung đều trưởng thành, đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà L đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010373 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bà L đã nộp đủ lệ phí.

- Ông ả guyễn Văn L phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông L đã nộp là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010374 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Ông L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- ả gười yêu cầu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện G;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện G;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Ủy ban nhân dân thị trấn G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền